

Tóm lược cam kết của Việt Nam trong AJCEP

ASEAN và Nhật Bản bắt đầu khởi động đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) vào năm 2003 và kết thúc đàm phán vào 2008. Hiệp định AJCEP là một Hiệp định kinh tế toàn diện cả về thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và hợp tác kinh tế như đã cam kết trong bản Thỏa thuận Khung về Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản ký kết năm 2003.

Đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện với Nhật Bản có cách tiếp cận hoàn toàn khác so với đàm phán trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc, ASEAN-Hàn Quốc, đó là được kết hợp giữa đàm phán song phương và đàm phán đa phương. Việt Nam cùng với các nước ASEAN 6 đã tiến hành đàm phán với Nhật Bản trong cả hai khuôn khổ: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) và Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam-Nhật Bản (VJEPA). Một số nét chính khi Nhật Bản thúc đẩy việc đàm phán trên cả hai kênh này:

- Tiến tới thành lập một khu vực mậu dịch tự do với ASEAN với mục tiêu biến ASEAN thành một khu vực sản xuất chung của Nhật Bản, tạo chuỗi liên kết các khu vực sản xuất của Nhật Bản giữa các nước ASEAN.
- Tiến hành đàm phán để đạt được lợi ích ở từng lĩnh vực cụ thể.
- Tự do hoá 90% kim ngạch trong vòng 10 năm (kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản năm 2006).
- Nhật Bản loại trừ các mặt hàng tập trung chủ yếu vào các sản phẩm nông nghiệp.

1.1 Danh mục cam kết

Biểu cam kết của Việt Nam trong AJCEP bao gồm 9.390 dòng thuế (dựa trên AHTN 2007), trong đó đưa vào lộ trình cắt giảm đối với 8.771 dòng. Số dòng còn lại là các dòng thuế CKD ô tô (57 dòng) và các dòng thuế không cam kết cắt giảm (562 dòng), cụ thể:

- Danh mục xoá bỏ thuế quan: Việt Nam cam kết xoá bỏ thuế quan đối với 62,2% số dòng thuế trong vòng 10 năm, trong đó xoá bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với 26,3% dòng thuế và xoá bỏ thuế quan sau 10 năm thực hiện Hiệp định (năm 2018) đối với 33,8% dòng thuế. Vào năm 2023 và 2024 (sau 15 năm và 16 năm thực hiện Hiệp định) cam kết xoá bỏ 25,7% và 0,7% số dòng thuế tương ứng.

Như vậy, vào năm cuối lộ trình (năm 2025) số dòng thuế được xoá bỏ thuế quan chiếm 88,6% số dòng thuế trong toàn Biểu cam kết.

- Danh mục nhạy cảm thường (SL) chiếm 0,6% số dòng thuế, được duy trì ở mức thuế suất cơ sở và xuống 5% vào năm 2025.

- Danh mục nhạy cảm cao (HSL) chiếm 0,8% số dòng thuế, được duy trì mức thuế suất cao (giảm xuống 50% vào năm 2023).
- Danh mục không xóa bỏ thuế quan, thuế suất duy trì ở mức thuế suất cơ sở trong cả lộ trình (C) chiếm 3,3% số dòng thuế.
- Danh mục loại trừ chiếm 6,0% số dòng thuế.

Bảng 1: Thống kê danh mục cam kết của Việt nam trong AJCEP

Phân loại		Tỷ lệ dòng thuế (%)	Tỷ lệ kim ngạch (%)
Danh mục xóa bỏ thuế quan	Trong vòng 10 năm	62,2	65,1
	Trong vòng 15 năm	25,7	13,8
	Trong vòng 16 năm	0,7	0,3
Tổng		88,6	79,2
Danh mục nhạy cảm-không xóa bỏ thuế quan	Thuế giảm xuống 5% vào năm 2025	0,6	2,1
	Thuế giảm xuống 50% vào năm 2023	0,8	0,2
	X giữ nguyên mức thuế suất cơ sở	3,3	5,3
	Tổng	4,8	7,6
Danh mục loại trừ	Không cam kết	6,0	13,3
Danh mục CKD ô tô	Không cam kết	0,6	0,0
Tổng		100	100

Danh mục phân loại trên được phân tích theo số liệu trong Biểu cam kết của Việt Nam dựa trên AHTN 2007 và theo kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản năm 2008.

1.2. Mức thuế suất cam kết

Lộ trình giảm thuế của Việt Nam trong Hiệp định AJCEP bắt đầu từ năm 2008 và kết thúc vào năm 2025. Các mặt hàng được cắt giảm xuống 0% vào các thời điểm 2018, 2023 và 2024. Về diện mặt hàng, các mặt hàng được xóa bỏ thuế quan chủ yếu là các mặt hàng công nghiệp.

Nhìn vào bảng phân tán số dòng thuế được xóa bỏ thuế quan theo ngành có thể thấy: vào năm 2008 (ngay khi Hiệp định có hiệu lực) có khoảng 2.468 dòng thuế được xóa bỏ thuế quan, trong đó các mặt hàng công nghiệp chiếm đến khoảng 94,6%, còn lại là các mặt hàng nông. Sau 10 thực hiện Hiệp định (năm 2018) sẽ có khoảng 5.846 số dòng thuế được xóa bỏ thuế quan, trong đó các mặt hàng công nghiệp chiếm khoảng 91,2%. Kết thúc lộ trình giảm thuế (năm 2025), tổng số dòng thuế được xóa bỏ thuế quan sẽ lên đến 8.321 dòng, các mặt hàng công nghiệp chiếm 84,5% số dòng thuế. Số

dòng thuế được xoá bỏ thuế quan tập trung vào các ngành máy móc thiết bị điện, máy móc cơ khí, hoá chất, kim loại, dệt may và sản phẩm nông nghiệp.

Bảng 2: Bảng phân tán số dòng thuế xoá bỏ thuế quan theo ngành của Việt Nam theo Hiệp định AJCEP

Ngành	2008	2018	2025
1. Nông nghiệp	127	505	1.129
2. Cá và sản phẩm cá	6	8	157
3. Dầu khí	0	1	9
4. Gỗ và sản phẩm gỗ	86	291	502
5. Dệt may	18	631	893
6. Da và cao su	23	153	238
7. Kim loại	273	640	845
8. Hoá chất	640	1.171	1.376
9. Thiết bị vận tải	85	186	235
10. Máy móc cơ khí	220	553	725
11. Máy và thiết bị điện	709	1.075	1.261
12. Khoáng sản	48	262	350
13. Hàng chế tạo khác	233	370	601
Tổng	2.468	5.846	8.321

Thuế suất áp dụng cho từng giai đoạn trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN-Nhật Bản (Biểu AJCEP) hầu hết được cắt giảm theo mô hình cắt giảm dần đều từ thuế suất cơ sở hoặc có mô hình cắt giảm riêng đối với những dòng thuế thuộc danh mục nhạy cảm (áp dụng thuế suất cơ sở trong cả lộ trình, giảm từ thuế suất cơ sở xuống 5%/50% vào năm 2025/2023...). Chính vì vậy, mức thuế suất bình quân áp dụng cho cả Biểu AJCEP theo từng năm trong Lộ trình có chiều hướng giảm dần.